

UBND TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ XÂY DỰNG

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: /SXD-HĐXD

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh về cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Việt Nam; Biên bản đánh giá ngày 15/01/2025 của Sở Xây dựng; Văn bản số 17/TTQH-KĐ ngày 19/02/2025 của Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa phối hợp kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Báo cáo số 01/2025/BC ngày 25/02/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Việt Nam.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 4200816755, ngày 04 tháng 02 năm 2009; thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 5 năm 2023. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: STH 21-23 đường 4B, Khu đô thị Lê Hồng Phong II, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0914.016.968 Fax:

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thí nghiệm và Kiểm định xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: STH 21-23 đường 4B, Khu đô thị Lê Hồng Phong II, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 31.006.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Việt Nam;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- GD và các PGĐ Sở XD;
- Trang TTĐT Bộ Xây dựng (đăng tin);
- Lưu: VT, HĐXD. Tuấn.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Tiến

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 31.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /SXD-HĐXD ngày tháng 3 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG; XI MĂNG BỀN SUNFAT	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng; Xi măng sunfat	TCVN 13605:2023; TCVN6067:18; BS EN 196-6:10; ASTM C184, C188, C150, C204; AASHTO T133; T153; T192
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; ASTM C109; C348;C349; AASHTO T106-11; BS EN 196-1:05
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích và hàm lượng bột khí; Hàm lượng mất khi nung; Độ nở sunfat; Hàm lượng: MgO; SO ₃ ; C ₃ A; 4AF+2C ₃ A; CKT; BaO; Mpa	TCVN 6017:2015; TCVN 6067:18; TCVN 8876:2012; BS EN 196-3:05; ASTM C187; C191; C185;C150; AASHTO T131-10; TCVN 6067:18; TCVN 6068:2020; TCVN 6820:15; ASTM C150,C452
	Xi măng Pooc Lăng – Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 141:2023; ASTM C114, BS EN 196-2
	Xác định độ nở autoclave; Xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 8877:2011; TCVN 6070:2005
	Xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước; độ nở thanh vữa trong dung dịch sunphat; độ giãn nở của xi măng	ASTM C452-19; ASTM C1038-19; TCVN 7713:2007, ASTM C1012-18; ASTM C151-05
2	THỬ NGHIỆM CÁT XÂY DỰNG	
	Thành phần hạt	TCVN 7572-2 : 2006
	Khối lượng riêng khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-4 : 2006
	Khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6 : 2006
	Hàm lượng các tạp chất (bùn, bụi, sét) và hàm lượng sét cục.	TCVN 7572-8 : 2006
	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 :2006
	Hàm lượng ion clo (Cl-)	TCVN 7572-15 :2006
	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14 : 2006
3	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143-10a; BS 1881 P.102; AASHTO T119-11; BS EN 12350-2:09; JIS A 1101:05
	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:22; ASTM C1170; BS EN 12350-3:09
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp	TCVN 3108:22; ASTM C138-12;

	bê tông	AASHTO T121-11; BS EN 2350-6:09; JIS A1116:05; BS 1881 P.107
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông; phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:22; ASTM C232-09; AASHTO T158-11; BS EN 12350-4:09; JIS A 1123:10; TCVN 3110:93
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông; khối lượng riêng; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ chống thấm nước của bê tông.	TCVN 3111:22; ASTM C138; C137; AASHTO T152; ASTM C642-06; BS EN 12350-7:09; BS 1881 P.114; BS 1881 P.112; BS EN 12350-7:09; TCVN 3115:22; TCVN 3116:22; BS EN 12350-8:09
	Xác định cường độ nén; cường độ uốn; cường độ kéo khi bửa; cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39; C42; C873; BS 1881 P.119; AASHTO T22; T140; T24; BS EN 12350-3:09; BS EN 12504-1:09; JIS A1108; A1107; TCVN 3119:22; ASTM C293; C78; JIS A 1106:06; AASHTO T97; T177; BS EN 12350-5:09; JIS A 1114:11; BS 1881 P.118; TCVN 3120:22; ASTM C496-11; AASHTO T198-09; JIS A 1113:06; TCVN 5726:22; ASTM C469-10; JIS A1127; A1149
	Lấy mẫu khi khoan từ cấu kiện	ASTM C42:09
	Xác định thời gian ninh kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403-08; AASHTO T197-11
	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
	Xác định độ thấm Ion Clo bằng phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C131, AASHTO T96
	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:2022
	Xác định hệ số thấm của bê tông	DIN 1048; CRD C48-92, EN12390-8:09; ASTM C1585-06
	Xác định độ pH; Xác định hàm lượng Sunfat	TCVN 9339:2012; TCVN 9336:2012;
	Thử nghiệm từ biến của bê tông; Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C512-02; TCVN 9340:2012; ASTM C1064-05
	Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (phương pháp kéo đứt); Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 9491:2012; ASTM C1583/C1583M-04; TCVN 12252:2020
	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611-18, BS EN 12350-5;

	bằng PP bàn dẫn	JISA1150:07; DIN 1048; BS 1881-105
	Bê tông tự lèn, Bê tông tươi, Bê tông đông cứng	TCVN 12209:2018; BS EN 12350:2019; DIN EN 12390
4	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Lấy mẫu, Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic; Xác định hàm lượng clorua; Xác định hàm lượng sulfat và sunfit; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình; Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566, AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335, EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2, BS 812, JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A11121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302, BS EN 12620, BS EN 1744-1:2009+A1:2012
	Xác định hệ số ES; Xác định chỉ số methylen xanh	ASTM D2419:91; TCVN 7572-21:2018
	Xác định độ ổn định của cốt liệu bê tông và vữa bằng $\text{Na}_2(\text{SO}_4)$; Cốt liệu nhẹ cho bê tông - sỏi, đá dăm và cát Keramzit; Xác định thành phần cỡ hạt; khối lượng thể tích, độ bên xi lanh, khối lượng mất khi đun sôi, độ hút nước, độ ẩm; Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu; Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn $75\mu\text{m}$	TCVN 7572-22:2018, ASTM C88/C88M-18; EN 1367-2; JIS A1122:2014; BS 812-121-1989, AASHTO T104; TCVN 6221:1997, BS EN 13055-1; ASTM C123-98; AASHTO T113-10, JIS A1141:2007; TCVN 9205:2012, AASHTO T11
5	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100-06; ASTM D854-00; ASTM D5550:06
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216:10; ASTM D4959:07
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; GOST-5184; AASHTO T89; T90; ASTM D4318-00
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88; T27; ASTM C136-06; ASTM D1140-00; ASTM D422-63
	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995; ASTM D3080-98

	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; AASHTO T99; T180; ASTM D1557-02; ASTM D698-00a; BS 1377 P.4
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937-71
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR); Xác định hệ số thấm K; Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-10; ASTM D 1883-07; BS 1377-90 P.4; JIS A1211; TCVN 8723:12; ASTM D2434:00; JIS A1218; TCVN 8724:12
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:06; JIS A1216; AASHTO T208
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất; Hàm lượng các ion thành phần muối hoà tan trong đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267; TCVN 8727:12; BS 1377-3-43:90
	Xác định độ thấm nước của đất bằng cách đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2024
	Xác định sức chống cắt của đất bằng pp cắt cánh	TCVN 8725:2012; GB/T 50123
	Xác định đặc trưng tan rã của đất; Xác định đặc trưng trương nở của đất; Xác định đặc trưng co ngót của đất.	TCVN 8718:2012; TCVN 8719:2012; TCVN 8720:2012
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850-03A/D4767; AASHTO T296:94/T234:70; BS1377:Part8:199; GB/T50123; JGS 0520:0524
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời; Xác định đặc trưng lún ướt; hàm lượng hữu cơ tồn thất khi nung; Thí nghiệm cố kết thấm theo phương đứng; Thí nghiệm cố kết thấm theo kiểu buồng Rowe; Thí nghiệm cố kết với tốc độ hằng số không đổi (CRS)	TCVN 8721:2012; TCVN 8722:2012; AASHTO T194; ASTM D2974-00; ASTM D2435:95; BS EN ISO 17892-5; BS1377-P7:99; ASTM D4186:88
	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2024
	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729 : 2012

	Xác định hàm lượng muối; hàm lượng thạch cao trong đất	Phụ lục D TCVN 9436:2012; TCVN 8654:2011
6	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo; Thử uốn; Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn; Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại – Thử nén dẹt	TCVN 197:2014; AASHTO T68-09; ASTM A370:11; ASTM E8/E8M; ISO 6892:84; JIS Z2241:11; BS EN 10002:01; AS 1302:07; TCVN 198:08; ASTM A370:11; ASTM A90/A90M; JIS Z2248:08; BS EN 4449:06; ASTM E855; AS 1302:07; TCVN 5401:10; ASTM A184/A184M; TCVN 5402:10; ASTM A333/333M
	Kiểm tra không phá huỷ - PP thăm thấu	TCVN 4617:2018
	Kiểm tra không phá huỷ - PP dùng bột từ	TCVN 4396:2018; ASTM E 709
	Kiểm tra mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 6735:2018; BS 3923; ASTM E164
	Thử kéo bulông; Cốt thép – PP uốn và uốn lại; Thử áp ứng lực trước- thử độ tụt nêm, neo; Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông; Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo ngang, dọc	TCVN 1916:95; ASTM A370:02; ASTM D429:03; ASTM E8M:00; ASTM F606:02; TCVN 6287:97; ISO 10065:90; BS 4449:05; ASTM A416:02; 22TCN 267:00; TCVN 13711:2023; ISO 15835-2:09; TCVN 8310:10
	Lớp phủ mạ kẽm nóng – PP thử	TCVN 5408:07
	Thử độ cứng vật liệu kim loại; Độ cứng Vicker; Độ cứng Rockwell; Độ cứng Brinell	TCVN 257:07; TCVN 256:06; ASTM E384-11e; ASTM E18; E10:14
	Đo chiều dày lớp sơn phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5778:07; ASTM E376; ASTM D6132; D3363; ASTM B487; ASTM A90; A123; A385; JIS H0401:13
	Thử nghiệm hệ số xiết bulong cường độ cao	JIS B1186:95
	Mối hàn – Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:10; ASME BPV code:2011; JIS Z3121-93; Z3040-95; AWS D1.1/D1.1M:10; AASHTO T68
	Bộ neo cáp cường độ cao xác định: Kích thước hình học; Độ tụt neo; Hiệu suất neo	TCVN 10568:2017; 22TCVN 247:1998; 22TCN 267:2000
	Bu lông, vít, vít cấy thử lực cắt, Thử nghiệm cơ lý nhôm	ASTM F606M-02; TCXDVN 330:2004
	Xác định khả năng chịu tải trọng của nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333-3:2016; BS EN 124:2015
	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn: Thử tính chất cơ lý: Thử kéo, thử chùng ứng suất, thử kéo mối, thử độ bám dính với bê tông, thử tính dẻo, thử hiệu suất neo	Phục lục A TCVN 10952:2015
	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn: Thử tính chất lớp vỏ bọc: thử mù muối, thử tính chịu ẩm và khô, thử tính hoá cứng, thử tính chịu va đập, thử tính chịu hoá chất, thử tính dẻo của lớp vỏ bọc.	Phục lục B TCVN 10952:2015
	Tạo cáp dự ứng lực – Phương pháp xác	ASTM E328, ASTM A416/A416M

	định độ tự chùng ứng suất khi kéo	
	Xác định thành phần hóa học trong xây dựng dân dụng	TCVN 8998:2018; ASTM E415:2017; ASTM E1019:2008; ASTM E 1086:2008; JIS G 0320:2009; JIS G 1253:2002
	Thử va đập	TCVN 312-1:2007
	Phương pháp loại bỏ sản phẩm ăn mòn của tấm mẫu sau khi thử nghiệm	ISO 8407:2009, GOST 9.907:2007
	Thử đập gãy mối hàn	BV NR 476:01
	Thử thủy lực ống	TCVN 1832:2008
	Ống kim loại: thử kéo, nén bẹp	TCVN 314:2008, TCVN 1830:2008
	Lớp mạ kim loại: Kiểm tra ngoại quan, chiều dày; Lớp phủ kim loại, lớp phủ kẽm nhúng nóng trên vật liệu chứa sắt - Xác định khối lượng thể tích lớp mạ trên đơn vị diện tích; Lớp phủ chống mài mòn: - Tổng chiều dày lớp phủ	TCVN 4392:1986, TCVN 7665:2007, ASTM E376-17
	Lớp phủ chống mài mòn: - Cường độ bám dính giữa lớp phủ Al-Mg với nền thép	ASTM D4541-17
	Thép dự ứng lực làm cốt bê tông, bê tông dự ứng lực trước	TCVN 7937:2013
7	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-2011; AASHTO T164, T166, T172, T209, T245, ASTM D1559, D2041, D2172, D2726, D6927, EN 12697, EN 13108, BS 598
	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
	Xác định độ hằn lún vết bánh xe của mẫu bê tông nhựa	AASHTO T324-04/TP63-05/T0719:2011; BS 598:2011; EN 12697-22; EN 12697-33
	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng con lăn anh	ASTM E303/ BS 812:114, TCVN 10271:2014
	Xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
	Nhựa đường - Xác định các đặc tính lưu biến bằng lưu biến kế cắt động	TCVN 11808:2017
	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa; Xác định mức độ các hạt được bao bọc trong hỗn hợp nhựa; độ hoà tan của nhựa đường trong N-Propyl Bromide; Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 12884:2020; AASHTO T 195; ASTM D7553; TCVN 13567-1:2022
8	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM; NHỰA	

	NHỮ TƯƠNG	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; ASTM D5-06; AASHTO T49:06
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; ASTM D113:07; AASHTO T51-09
	Xác định điểm hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36-00; AASHTO T53-09
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6-95; AASHTO T47-98
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; ASTM D70-09; AASHTO T228-09
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05; ASTM D2170; AASHTO T59
	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05; DIN 52015
	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625-05; AASHTO T182-84
9	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:71; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 12791:2020; ASTM D2937; AASHTO T204
	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06; ASTM D1556-00
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950; E1082
	Xác định mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Belkenman	TCVN 8867:11; AASHTO T256:77; ASTM D4695-96
	Xác định độ nhám mặt đường bằng pp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965-96
	Xác định modul đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11
	PP không phá huỷ sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:12; ASTM C805; DIN 1048; JIS A1155:12
	Thí nghiệm nhỏ cọc, nén ngang, nén dọc	TCVN 9393:12; ASTM D3689
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D4395:08
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12; ASTM D1586; AASHTO T206
	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D3689:07; ASTM D1143
	Thí nghiệm (CBR) – Ngoài hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM D4429-09a
	Đo lún công trình	TCVN 9360:2024
	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:14; JIS A5335; ASTM D6851:03
	Đo áp lực nước lỗ rỗng Piezometer	TCVN 8869:11; AASHTO T252
	Xác định lực liên kết cốt thép trong bê tông	ASTM 6900:01

	Xác định cấu trúc đất bằng chùy xuyên động DCP	ASTM D6851:03; DIN 0494
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12; BS 1881-P.201
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:12; ASTM D6760:12
	Kiểm định và thử tải cầu : Thử nghiệm tĩnh và thử nghiệm động	TCN 243:98
	Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:12
	Kiểm tra lực kéo nhỏ của bulong, thép	ASTM E488:95
	Kiểm tra không phá huỷ hoại xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:09
	Xác định sức chịu tải của đất, cát đắp nền; Thí nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép, thép neo, bulong neo; Phương pháp đẩy ngang dưới móng sâu; Cọc - Thí nghiệm cọc bằng phương pháp Osterberg (O-Cell); Chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu BTCT chịu uốn trên công trình	ASTM D1194:94; ASTM D3689-90; ASTM D3966-07; ASTM D1143/D1143M-07; TCVN 9344:2012, ASTM E2127-01A, ASTM E455-11
	Thí nghiệm dính bám của cáp DUL với vữa bơm ống gen	ASTM D981
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13536:2022; ASTM C597:09; BS 1881:203
	Phương pháp điện từ đo chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Xác định chỉ số CBR của nền đất-Phương pháp chùy xuyên động	TCVN 10272:2014; ASTM D6951:09; ASTM D7380; ASTM D1586
	Đo chuyển vị, độ võng và ứng suất cọc cầu; Đo chuyển vị ngang bằng Inclimometer	TCCS 04:2011/TCĐBVN; AASHTO T254:80, ASTM D6230
	Xác định hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng PP thí nghiệm hút nước từ các lỗ khoan; hệ số thấm của đá bằng PP thí nghiệm ép nước vào các lỗ khoan	TCVN 9148:2012; BS EN ISO 22282-4:12; TCVN 9149:2024
	Thí nghiệm nén ngang trong lỗ khoan	ASTM D4719; BS EN ISO 22476-4:12
	Trắc địa công trình xây dựng; Quan trắc lún sâu bằng phương pháp extensometer	TCVN 9399:2012; ; TCVN 9398:2012, TCVN 9394:2012, TCVN 8215:2021; DIN 4107:2
	Khả năng chịu lực của nền – Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (EV2); Phương pháp thử tiêu chuẩn cho các thử nghiệm tải trọng tĩnh không hoạt động của đất và các thành phần via hệ linh hoạt, để sử dụng trong đánh giá và thiết kế via hệ sân bay và đường cao tốc; Đất - Quy trình thử nghiệm và thiết bị thử nghiệm Thử tải tấm	NF P 94-117-1; ASTM D1196; DIN 18134:2012
	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương	TCVN 9349:2012, ASTM D7234, C1860

	pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	
	Xác định lực liên kết giữa bê tông và cốt thép	ASTM A944
10	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
	Hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng của bột chất khoáng, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, hệ số hấp nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, XĐ khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường, xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường, chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:84; AASHTO T27; AASHTO T100, TCVN 12884:2020
11	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	XĐ hàm lượng không tan; XĐ hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:88; AASHTO T26-79
	Xác định độ pH	TCVN 6492:11; AASHTO T26-79
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl)	TCVN 6194:96; ASTM D512-04, BS 6068-2.37
	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄)	TCVN 6200:96; ASTM D516-02
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
	Xác định hàm lượng Amoni	TCVN 6179-1:96; ISO 7150-1:84 (E)
	Xác định tổng Canxi và Magiê	TCVN 6224:96; ISO 6059:1984 (E)
	Xác định hàm lượng NO ₂ -	TCVN 6178:1996
	Xác định hàm lượng NO ₃ -	TCVN 6180:1996
12	THÍ NGHIỆM ỐNG CỐNG VÀ CỐNG HỘP BTCT THOÁT NƯỚC	
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác, kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống cống, thử khả năng chịu tải của ống cống, thử độ thấm nước của ống cống	TCVN 9113:12, TCVN 9116:12
13	NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXIT, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định hàm lượng hạt quá cỡ, Xác định điện tích hạt, Xác định độ khử nhũ, Thử nghiệm trộn với xi măng, Xác định độ dính bám và tính chịu nước, Thử nghiệm trung cất, Xác định độ bay hơi, Xác định độ bay hơi, Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit, khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817:2011; ASTM D244-04; AASHTO T59-01; 22TCN 219; 04; ASTM D5892
	Xác định nhiệt độ bắt lửa, xác định hàm lượng nước, thử nghiệm chưng cất; Xác	TCVN 8818:11; ASTM D2171; AASHTO T201

	định độ nhót tuyệt đối (sử dụng nhót kế mao dẫn chân không)	
	Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11711:2017
	Chỉ số độ kim lún (PI)	Phụ lục D TCVN 13150-2:2020
14	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, cường độ uốn, độ hút nước, xác định khối lượng thể tích, độ rỗng, vết tróc do vôi, sự thoát muối	TCVN 6355-1:-8:2009; ASTM C67-12; AASHTO T32-10
15	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định độ mài mòn lớp mặt, độ hút nước, độ chịu lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp bề mặt	TCVN 6065:95
16	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ rỗng, Xác định cường độ nén, Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140-12a, BS EN 13748:04
17	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99
18	THỬ NGHIỆM BENTONITE	
	Xác định khối lượng riêng, độ nhót, độ pH, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, lực cắt tĩnh, tính ổn định của dung dịch	TCVN 11893:2017; ASTM D4380;D4381; ASTM D4972-95a
19	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, xác định độ lưu động của vữa tươi, xác định khối lượng thể tích của vữa tươi, xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi, xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi, xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn, xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn, xác định độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền, xác định hàm lượng ion clo trong nước, xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2022; EN 1015:99; ASTM C1403-06; EN 445:07; ASTM C1218-99(08); ASTM C1102/C1398/C807-08;,, ASTM C109-11b, ASTM C1583-04; EN 1015-15:00
	Thử nghiệm vữa xi măng khô trộn sẵn không co, xác định: độ chảy, thay đổi chiều dài vữa đã đóng rắn, chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, độ tách nước, cường độ chịu nén	TCVN 9204:12; ASTM C939-10; EN 445-07; ASTM C157-08; ASTM C827-10; ASTM C940-10A; ASTM C942, ASTM C579

	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; độ lưu động; khả năng giữ độ lưu động; thời gian bắt đầu đông kết; cường độ nén; cường độ bám dính; hàm lượng ion tan trong nước, thời gian điều chỉnh; hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011
	Thí nghiệm bột bả tường; Xác định độ mịn; khối lượng thể tích; thời gian đông kết; độ cứng bề mặt; độ bám dính với nền; độ bền nước	TCVN 7239:2014
	Thí nghiệm vữa, keo dán gạch; xác định thời gian nở; độ trượt, cường độ bám dính khi cắt, kéo, độ bền hoá	TCVN 7899-2:2008; ISO 13007-2:2005
	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan toả, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 447-2007
20	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC); GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP	
	Xác định hình dạng, kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định khối lượng thể tích khô, xác định cường độ nén, xác định độ co khô, xác định độ hút nước, xác định độ thẳng cạnh độ thẳng mặt, xác định độ vuông góc, xác định hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017
21	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP	
	Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, xác định thời gian xuyên nước, xác định khối lượng 1m ² ngói bão hoà nước	TCVN 4313:2023
22	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HOÁ HỌC CHO BÊ TÔNG, PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH	
	Phụ gia hoá học cho bê tông xác định: Hàm lượng chất khô; Khối lượng riêng; Hàm lượng ion clo; độ Ph; Hàm lượng tro; Hàm lượng kiềm có hại cho phụ gia, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co bê tông	TCVN 8826:2024; ASTM C311-11; JIS A6201:99; EN 14277:2004; ASTM C494/C494M, ASTM C1141:2006, ASTM C266-200, BS EN 480
	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lặn xác định: Lượng sót sàng 45,80mm, Hàm lượng SO ₃ ; Hàm lượng kiềm có hại cho phụ gia; Tổng hàm lượng các oxit SiO ₂ + Al ₂ O ₃ + Fe ₂ O ₃ ; Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 8825:2011; ASTM C311-11; JIS A6201:99; EN 14277:2004
	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa – SILICAFUME và tro trấu nghiền mịn xác định: Lượng sót sàng 45; Hàm lượng SO ₂ ; Hàm lượng mất khi nung; Độ ẩm; Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 8827:2011; ASTM C311-11; JIS A6201:99; EN 14277:2004
23	ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	

	VÀ HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT	
	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hoá học hoặc gia cố có tổng hợp xác định: Cường độ kháng ép (cường độ nén); Độ bền chịu ép chèn; Modun đàn hồi; Độ ẩm tối ưu cho đất gia cố bằng xi măng (Độ ẩm PP khô và ướt, độ bền theo thời gian)	TCVN 10379:2014; ASTM D1633:96; TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013; ASTM D559:96; ASTM D560:96
	Gia cố nền đất yếu – Phương pháp trụ xi măng đất	TCVN 9403:2012
24	CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI	
	Xác định độ lọt khí, độ kín nước, độ bền áp lực gió, độ bền góc hàn thanh profile U-PVC, lực đóng, thử nghiệm đóng và mở lại	TCVN 7452: 2021; TCVN 7452:2021
25	TẤM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG	
	Xác định khuyết tật ngoại quan, lực uốn gãy, khối lượng thể tích, thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000
26	HỆ CHẤT KẾT DÍNH GÓC NHỰA EPOXY CHO BÊ TÔNG	
	Xác định độ nhót, độ chảy sệ, thời gian tạo gel, cường độ dính kết, độ hấp thụ nước sau 24 giờ, nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng uốn, khả năng thích ứng nhiệt, hệ số co ngót sau khi đóng rắn, cường độ chịu nén ở điểm chảy, Modul đàn hồi khi nén ở 7 ngày, cường độ chịu kéo ở 7 ngày, độ dẫn dài khi đứt, cường độ liên kết	TCVN 7951:2008, TCVN 7952:2008, ASTM C881-20, C884-16, C1404-98(2003); D570-98(2018); D638-14; D648-18; D695-15; D2393-86
27	BÊ TÔNG CHỊU NHIỆT	
	Xác định khối lượng thể tích sau khi nung; Xác định cường độ nén sau khi nung; Xác định độ thay đổi chiều dài sau khi nung	ASTM C 134-95 (2016); ASTM C 133-97 (2015); ASTM C 113-14
28	XI MĂNG GIA CƯỜNG CỐT SỢI THỦY TINH	
	Xác định độ chảy của vữa, hàm lượng cốt sợi trong hồ hợp vữa, cường độ uốn, độ hút nước, khối lượng riêng, biến dạng ẩm, độ bền khí hậu	BS EN 1170
29	HÀO KỸ THUẬT BÊ TÔNG CỐT THÉP	
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật, kích thước, độ vuông góc. Xác định khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải đứng	TCVN 10332:2014
30	MATIT CHÈN KHE	
	Xác định độ côn lún, độ bám dính không ngâm, độ bám dính sau khi ngâm, độ lún đàn hồi, độ lún đàn hồi sau lão hóa nhiệt, tính tương thích với nhựa	TCVN 9973:2013, TCVN 9974:2013; ASTM D5893
	Xác định điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005
31	CÁP THÉP THÔNG DỤNG	

	Xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368 : 1998
32	TẤM XI MĂNG SỢI	
	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc, cường độ chịu uốn, khối lượng thể tích biểu kiến, độ co giãn ẩm, độ bền chu kỳ nóng lạnh, khả năng chống thấm nước, độ bền nước nóng, độ bền băng giá, độ bền mưa nắng	TCVN 8259-1 :- 9:2009 TCVN 8258:2009
33	TẤM SỢI CARBON	
	Độ dày, Ứng suất kéo đứt, Modul đàn hồi	ASTM D3039/3039M
34	XỐP	
	Xác định khối lượng riêng, lực đạt được khi nén mẫu xuống 50% chiều cao ban đầu, độ đàn hồi đạt được khi nén mẫu xuống 50% chiều cao ban đầu	ASTM D545
35	PHỤ GIA CHỐNG THẤM GỐC XI MĂNG	
	Xác định cường độ bám dính, độ bền kéo, độ chống thấm dưới áp lực thủy tĩnh 150 kPa trong 7 ngày, Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện tiêu chuẩn, mức độ truyền hơi nước	BS EN 14891; BS EN 13578, ASTM C836, ASTM E96
36	PHỤ GIA HOẠT TÍNH TRO BAY, PHỤ GIA KHOÁNG XI MĂNG, PHỤ GIA CÔNG NGHỆ CHO SẢN XUẤT XI MĂNG	
	Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 8262 : 2009, TCVN 10302:2014, TCVN 6882:2016, TCVN 8878:2011, BS EN 450:2012
37	AMIĂNG CRIZÔTIN ĐỂ SẢN XUẤT TẤM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG	
	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm, độ bền axit, xác định lượng sót trên sàng và lượng lọt sàng	TCVN 9188:2024
38	THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) POLY (VINYL CLORUA) KHÔNG HOÁ ĐỎ (PVC-U) DÙNG ĐỂ CHẾ TẠO CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI	
	Xác định độ bền va đập bi rơi của thanh profile chính	BS EN 477
	Xác định ngoại quan sau khi lưu hoá nhiệt ở 150°C	BS EN 478
	Xác định độ ổn định kích thước sau khi lưu hoá nhiệt ở 150°C	BS EN 479
	Xác định độ bền góc hàn thanh profile	TCVN 7452-4:2004
39	TẤM ỐP NGOÀI TRỜI PVDF	
	Xác định độ bền uốn, mô đun đàn hồi	ASTM D790
	Xác định lực chịu xuyên, ứng suất cắt	ASTM D732

	Xác định lực chịu kéo ở 180	ASTM D903
40	SỢI THỦY TINH	
	Xác định độ ẩm, khối lượng dài, hàm lượng chất kết dính, đường kính trung bình, độ xe của sợi, lực kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7739-1-:-6:2007
41	VÔI CANXI CHO XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng Cao+MgO hoạt tính, hàm lượng nước thủy hoá, hàm lượng CO ₂ , tốc độ tôi vôi, nhiệt độ tôi vôi, lượng sót sàng, độ ẩm của vôi hydrat, hàm lượng hạt không tôi được, độ nhuyễn của vôi tôi, khối lượng thể tích của vôi tôi	TCVN 2231:2016
	Xác định hàm lượng MgO, SiO ₂ +Al ₂ O ₃ +FeO ₃	TCVN 9191:2012
42	TẤM LẤY SÁNG POLYCARBONATE	
	Cường độ chịu kéo tại điểm uốn, Độ giãn nở tới đứt, Khả năng chịu lực rơi từ vật nặng, Hệ số giãn nở	ASTM D5638, ASTM D5639, ASTM D5420, ASTM D696
43	VẬT LIỆU BẢO VỆ BỀ MẶT BÊ TÔNG	
	Xác định tỷ trọng, độ pH, độ thấm hơi nước, độ bám dính, độ bền hoá chất, độ thâm nhập, độ hút nước, độ bền kiềm, độ bền va đập	TCVN 11839:2017, BS EN 1504-2; BS EN 1062:2004, BS EN 13529:2003
44	TẤM ỐP, LỚP COMPOSIT NHỰA - NHÔM	
	Kiểm tra kích thước, sai lệch cho phép, khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn, mô đun đàn hồi, lực kháng xuyên, nhiệt độ làm biến dạng tấm	TCVN 12513-4:2018, GB/T 17748-2016, ASTM D648-18, D732-17, D790-17
45	CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TẤM	
	Xác định kích thước, mức sai lệch cho phép; kiểm tra ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016; JIS A5309-1995
46	BÓ VĨA BÊ TÔNG	
	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
47	MƯỜNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THÀNH MỎNG ĐÚC SẴN	
	Kiểm tra ngoại quan, kích thước, khả năng chống thấm nước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ, khả năng chịu tải	TCVN 6394:2014
48	ĐẤT SÉT TRONG XÂY DỰNG	
	Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 7131:2016
49	ĐẤT, ĐÁ DẪM DÙNG TRONG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	

	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
50	BÊ TÔNG CƯỜNG ĐỘ CAO	
	Thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014
51	NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG TRUNG TÍNH	
	Độ nhớt Engler ở 25°C; Lượng hạt quá cỡ, thử nghiệm sàng 1,18mm; Thử nghiệm trộn với xi măng; Độ ổn định lưu trữ; Hàm lượng nhựa (thử nghiệm theo phương pháp bay hơi); Độ kim lún ở 25°C; Độ hòa tan trong Toluen	JIS K 2208
52	THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT, GẠCH GRANITE	
	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích, xác định độ bền uốn và lực uốn gãy, xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi, xác định độ chịu mài mòn (sâu) đối với gạch không phủ men), xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men, xác định hệ số giãn nở nhiệt dài, xác định độ bền sốc nhiệt, xác định hệ số giãn nở ẩm, xác định độ rạn men đối với gạch men, xác định độ bền băng giá, xác định độ bền hoá học, xác định độ bền chống bám bẩn, xác định độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men, xác định sự khác biệt nhỏ về màu, xác định hệ số ma sát, xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN 6415:2016; ISO 10545:95; TCVN 13113:2020
53	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước bề mặt, độ chịu mài mòn, độ bền uốn, hệ số ma sát	TCVN 7744:2013
54	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích, xác định độ bền uốn, xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016, TCVN 6415:2016
55	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ, GỖ VÁN ÉP	
	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý; Xác định khối lượng thể tích; Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh; Xác định giới hạn bền khi nén vuông góc với thớ gỗ; Xác định ứng suất kéo song song với thớ gỗ; Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ gỗ; Xác định ứng suất cắt song song với thớ gỗ; Xác định độ bền cắt song song với thớ gỗ xẻ; Xác định độ bền khi uốn va đập; Xác định độ	TCVN 8048-9:2009; TCVN 13707:2023

	cứng va đập; Xác định độ co rút của gỗ theo phương xuyên tâm, tiếp tuyến; Xác định độ co rút thể tích của gỗ; Xác định độ dẫn nở của gỗ theo phương xuyên tâm, tiếp tuyến; Xác định độ dẫn nở thể tích của gỗ;	
	Ván gỗ nhân tạo: Xác định kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh, xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích, xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước, xác định mô đun đàn hồi sau khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh, xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván, xác định độ bền ẩm, xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán, xác định độ bền bề mặt, xác định lực bám giữ đinh vít, xác định hàm lượng Formadehyt.	TCVN 7756-9:2007; TCVN 11903:2017; TCVN 11904:2017; TCVN 11905:2017; TCVN 11906:2017; TCVN 12445:2018; TCVN 12446:2018; TCVN 12447:2018; TCVN 11907:2017
56	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM	
	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09; ASTM D5199:12
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:09; ASTM D5261:10; ASTM D1505:03
	Xác định độ bền chịu kéo và độ giãn dài, sức chọc thủng bằng pp rơi côn, khả năng chống xuyên (CBR), ường độ xé rách hình thang, lực kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật, lực kháng xuyên thủng thanh, áp lực kháng bụi	TCVN 8485:2010; ASTM D4595-11; ASTM D4632-96; TCVN 8484:2010; BS 6906 P6:97; TCVN 8871-3:11; ASTM D4833-91; ASTM D6241:00; TCVN 8871-2:11; ASTM D4533-11; ASTM D5494:99; TCVN 8871:11
	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010
	Khả năng thoát nước tại áp lực 10kPa và gradien thủy lực $i=0.5m^3/s$; Khả năng thoát nước tại áp lực 300 kPa và gradien thủy lực $i=0.5m^3/s$	ASTM D4716:03
	Xác định độ thấm xuyên, xác định khả năng thấm của vải địa kỹ thuật	TCVN 8487:2010; ASTM D4491:99
	Xác định kích thước lỗ lọc của vải bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:11; ASTM D4751
	Xác định kích thước lỗ lọc của vải bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
	Xác định khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ, độ ẩm	TCVN 8482:2010; ASTM D5035, ASTM D4355
	Xác định lực ma sát bằng pp cắt trực tiếp, cường độ chịu kéo của mối nối, cường độ chỉ khâu vải	ASTM D5321:98; TCVN 9138:2012, ASTM 2256, ASTM D4884; TCVN 9844:2013
57	THỬ NGHIỆM TẮM TRẢI CHỐNG THẨM	
	Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt; Độ bền chọc thủng động; Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9067-1,2,3:2012, EN 1110; ASTM D2523; ASTM D5636:98; EN129697; ASTM D5147
	Xác định độ thấm nước dưới áp suất thủy tĩnh	TCVN 9067-4:2012; ASTM D5441; EN 1928

58	THỬ NGHIỆM MÀNG CHỐNG THẤM	
	Xác định độ kéo, độ dẫn dài, cường độ xé rách	ASTM D6693; EN 12311, ASTM D1004
	Xác định hệ số thấm	ASTM D5385; ASTM E96
	Xác định hàm lượng Carbon	ASTM D1603
	Xác định tỷ trọng, Xác định độ ổn định kích thước	ASTM D1505, ASTM D1204
59	SON TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯƠNG	
	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; Xác định độ bền nước; Xác định độ bền kiềm; Xác định độ rửa trôi; Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-1:2024
	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2015
	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
	Xác định độ bám dính	TCVN 2097:2015
	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652: 2020
60	THỬ NGHIỆM THẠCH CAO	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định độ kháng nhỏ đinh; Xác định độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt; Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257:2023
	Kiểm tra độ vồng của khung trần thạch cao	ASTM C635-07
61	THỬ DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP QUANG	
	Sợi dây đồng tròn kỹ thuật điện/ Ruột dẫn cáp cách điện các định: Số sợi; mặt cách danh nghĩa, thử kéo, độ dẫn dài tương đối, điện trở ruột dẫn ở 20°C	TCVN 5933:1995
	Cáp và dây dẫn mềm xác định chỉ tiêu cơ học của lớp cách điện và vỏ: Lực phá hủy khi kéo; Độ giãn dài tương đối khi kéo đứt	TCVN 5582:1991
	Dây điện bọc nhựa PVC: đo chiều dày và kích thước, tính chất vỏ bọc cách điện, độ bền điện áp, điện trở cách điện	TCVN 6610:2014
	Chiều dày, độ bền kéo, độ dẫn dài của lớp cách điện XLPE, PVC	TCVN 5935:2013; IEC 60502:2009
	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang xác định: Chiều dày, kích thước; Lão hoá nhiệt; Thử nghiệm ở nhiệt độ thấp; thử nghiệm tính kháng ozon, thử nghiệm kéo dẫn trong lò nhiệt và thử nghiệm ngâm trong dầu khoáng	TCVN 6614:2008; IEC 60811

	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007
	Xác định tính chất ống, máng luồn dây và phụ kiện	IEC 61386, BS EN 50085; BS 4568-1-1970; BS EN 50086, BS EN 61386, JIS C8305, UL 797-2007
	Thử cháy	TCVN 9618:2013, TCVN 6613:2010
	Xác định độ bền va đập, khả năng chịu nhiệt, chịu ăn mòn, khả năng chịu lửa của phụ kiện lắp đặt bằng nhựa	BS EN 4607:1984
	Xác định đường kính sợi đồng, điện trở cách điện, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi đồng, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của vỏ cách điện, khả năng chống nứt của vỏ cách điện, biến dạng của vỏ cách điện, điện trở 1 chiều của ruột dẫn	TCVN 8090:2009
62	THỬ NGHIỆM NGÓI TRẮNG MEN	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2023
	Xác định độ hút nước, tải trọng uốn gãy, khối lượng một met vuông ngói ở trạng thái bão hoà nước	TCVN 4313:2023
	Xác định độ bền rạn men, độ bền hoá của men	TCVN 6415:2016
63	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, ỐNG VÀ PHỤ TÙNG NỐI BẰNG PVC, ỐNG NHỰA XOẮN HDPE	
	Xác định kích thước của hệ thống ống nhựa nhiệt dẻo	TCVN 6145:2007
	Xác định độ bền áp suất trong	TCVN 6149:2007
	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
	Nhiệt độ hoá mềm Vicat	ASTM D1525
	Ống PVC dùng để cấp nước uống: xác định hàm lượng chiết ra được của chì và thiết	TCVN 6146:1996
	Ống PVC dùng để cấp nước uống: xác định hàm lượng chiết ra được của chì và thiết	TCVN 6140:1996
	Ống và phụ tùng nối bằng PVC xác định: Kích thước, độ bền với áp suất bên trong, độ bền va đập bên ngoài, nhiệt độ hoá mềm Vicat	TCVN 8491:2011
	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434:2004
	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch; Độ bền của ống trong môi trường hoá chất; Độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống; Áp lực trong của ống	TCVN 11821:2017; TCVN 8699:2011; ASTM D1525
	Xác định độ cứng ống	ASTM D 2412
	Tác động của axit sunfuric	TCVN 6037:1995
	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007

	Nhiệt độ hoá mềm vicat	TCVN 6147:2003
	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011
64	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
	Kính tấm, kính cán vân hoa, kính dán nhiều lớp xác định: Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước; độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 7527-2005; TCVN 7364-2018
	Xác định độ bền va đập bi rơi; Xác định độ bền va đập con lắc; Xác định lượng mảnh vỡ (kiểm tra phá mẫu vỡ)	TCVN 7368:2013; TCVN 7455:2013
	Xác định ứng suất bề mặt	TCVN 8261:2009
	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp phương pháp thử độ bền; Kích thước và hoàn thiện cạnh; Ngoại quan	TCVN 7364-4,5,6:2018
	Kính phủ phản quang xác định: Kích thước; Khuyết tật ngoại quan; Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời; Độ bền mài mòn	TCVN 7528:2005
	Xác định độ xuyên quang, độ phản quang, tổng năng lượng bức xạ mặt trời truyền qua và độ xuyên bức xạ tử ngoại	TCVN 7737:2023
	Kính hộp gắn kín cách nhiệt: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước, đo điểm sương, thử độ kín, độ cách nhiệt toàn phần	TCVN 8260:2009
65	SON VÀ VECNI	
	Xác định độ dày màng sơn	TCVN 9760:2013, TCVN 9406:2012, ASTM E376:2019
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 10237-1 -:- 4:2013
	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:2013
	Thử uốn	TCVN 2099:2013, ASTM D522-17
	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013, GOST 8420-74
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi	TCVN 10370:2014, GOST 17537-72, ISO 11890-2:2013
	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 10519:2014, TCVN 10518:2014
	Xác định thời gian sống của hệ sơn đa thành phần	GOST 27271-87
	Biến dạng nhanh (độ bền va đập)	TCVN 2100:2013
	Xác định độ bóng phản quang của màng sơn ko chứa kim loại	TCVN 2101:2016
	Phép thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007
	Xác định độ chịu mài mòn bằng thiết bị Taber	TCVN 11474:2016
	Xác định độ bền với chất lỏng	TCVN 10517:2014
	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại: Xác định độ mất màu, độ tích bụi, độ tích bụi (sau khi rửa nước), độ thay đổi độ bóng, độ mài mòn, độ rạn nứt, độ đứt gãy, độ phồng rộp, độ tạo vảy và bong nước, độ phân hóa, độ phân hóa, mức độ phát triển của nấm và	TCVN 8785-1 -:- 14:2011

	tảo.	
	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại: Phương pháp thử mù muối	TCVN 8792:2011
	Đánh giá sự suy biến của lớp phủ	TCVN 12005-1 -:- 10:2017
	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012, ASTM D2247-02, ASTM D2485-91
	Xác định độ cứng bút chì	JIS K 5600-5-4:99, ASTM D3363
	Xác định ảnh hưởng của nhiệt	TCVN 9762:2020, ISO 3248:1998
	Xác định độ nhót, độ ổn định biến dạng nhiệt	TCVN 9879:2013, ASTM D562
	Xác định tỷ trọng	ASTM D1475-13
	Xác định pH	ASTM E70-07
	Xác định khả năng kháng kiềm, kháng acid	JIS K 5400:1990
66	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - SƠN BITUM CAO SU	
	Xác định độ mịn, độ nhót quy ước, độ phủ, thời gian khô, độ bám dính của màng trên nền bê tông, độ chịu nhiệt, độ xuyên nước, độ bền lâu	TCVN 6557:2000
67	SƠN EPOXY	
	Xác định tính ổn định trong thùng chứa, tính đồng nhất, độ mịn, thời gian khô, khả năng thi công sơn, bề ngoài màng sơn, thời gian sống, độ bóng, độ bền va đập, khả năng chịu kiềm, khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối, độ bền mù muối, hàm lượng chất không bay hơi, xác định tính nhựa epoxy, độ bền thời tiết	TCVN 9014:2011
68	MÀNG CHỐNG THẤM PVC	
	Độ dày, Cường độ chịu kéo, Độ dãn dài khi đứt, Cường độ chịu nén tại thời điểm biến dạng 20%, Cường độ lan truyền xé rách, Sức kháng dưới áp lực nước, Cường độ chịu kéo của mối hàn, Ổn định kích thước khi tiếp xúc không khí ẩm, Độ hấp thụ nước, Sức kháng chống axit và các dung dịch kiềm, ở 28 ngày, Độ chịu lửa	DIN 53370, DIN 53455, DIN 53454, DIN 53363, DIN 16726, DIN 53495, DIN 4102/1.
69	BÊ TÔNG KHÔNG CO, VỮA KHÔNG CO	
	Vật liệu đổ vữa gốc xi măng	GB/T 50448-2015
70	THANH CHÈN KHE	
	Cường độ chịu kéo, Độ hút nước theo thể tích, Lực hồi phục, Độ co rút, Kháng nhiệt, Tỷ trọng tối đa	ASTM D1623, ASTM C1016, ASTM D1622
71	THÉP CỐT BÊ TÔNG (Thép gai và thép trơn trơn)	
	Khối lượng trên 1 m dài và sai lệch cho phép	TCVN 1651: 2018
	Khả năng chịu kéo (Giới hạn chảy, bền)	TCVN 197-1:2014

		TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010
	Khả năng chịu uốn	TCVN 198:2008 TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010
	Độ giãn dài	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010
72	THÉP CACBON CÁN NÓNG, CÁN NGUỘI (thép hình, ống thép, thép tấm...)	
	Xác định thành phần hóa	TCVN 1821 : 2009 hoặc tương đương
	Khả năng chịu kéo (Giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài)	TCVN 197-1: 2014 hoặc tương đương
	Khả năng chịu uốn hoặc nén bẹp	TCVN 198: 2008 hoặc tương đương
	Độ dai va đập của thép	TCVN 312-1:2007 hoặc tương đương
73	BU LÔNG VÀ CÁC VẬT LIỆU HỆ REN	
	Kích thước hình học	ASTM A370:2021; TCVN 197-1:2011 (Hoặc tương đương theo tiêu chuẩn mà NSX công bố)
	Cơ tính vật liệu chế tạo bu lông (Theo yêu cầu thiết kế của dự án).	
	Giới hạn bền	
74	CUPLER	
	Xác định giới hạn bền kéo của mối nối	TCVN 13711-1:2023
75	VỮA XI MĂNG TRỘN SẴN KHÔNG CO NGÓT: SIKA GROUT 214...	
	Độ tách nước	TCVN 9204:2012
	Độ chảy xòe	
	Cường độ nén của vữa đã đông rắn 3 ngày, 7 ngày, 28 ngày	
	Thay đổi chiều dài mẫu vữa đông rắn ở các tuổi 1, 3, 7, 14, 28 ngày	
76	VỮA, KEO DÁN GẠCH GÓC XI MĂNG	
	Xác định thời gian mở	TCVN 7899-2:2008 (ISO13007-2)
	Xác định cường độ bám dính khi kéo	
	Xác định cường độ bám dính sau khi ngâm nước	
	Xác định cường độ bám dính sau khi gia nhiệt	
	Xác định độ trượt	
	Xác định biến dạng ngang	
77	NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM ĐỊNH HÌNH	
	Độ bền kéo, MPa, không nhỏ hơn	TCVN 197-1: 2014 hoặc TC tương đương
	Độ giãn dài nhỏ nhất	TCVN 197-1: 2014 hoặc TC tương đương
	Thành phần hoá học	TCVN 12513-7:2018
78	INOX	
	Xác định thành phần hóa học	JIS G1253:2013 hoặc theo TC tương ứng

79	VÁN MDF/ VÁN DẪM	
	Xác định kích thước	TCVN 11904:2017 hoặc TC tương ứng
	Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017 hoặc TC tương ứng
	Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm trong nước	TCVN 12445:2018 hoặc TC tương ứng
	Độ bền uốn tĩnh, modun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 12446:2018 hoặc TC tương ứng
	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018 hoặc TC tương ứng
	Độ bền bề mặt (Đối với ván dăm)	TCVN 11906:2017 hoặc TC tương ứng
80	VÁN SÀN GỖ NHÂN TẠO	
	Xác định kích thước (chiều dày)	TCVN 11950-2018 ISO 24366-2005
	Độ trương nở chiều dày	TCVN 11950-2018 ISO 24366-2005
	Độ bền bề mặt, MPa, không nhỏ hơn	BS EN 13329-16 Annex D
	Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm	BS EN 13329-16 Annex C
	Độ mài mòn bề mặt	BS EN 13329-16 Annex E
	Khối lượng riêng	TCVN 5694:2014
81	SON TƯỜNG (NHỮ TƯỜNG)	
	Độ rửa trôi sơn phủ ngoại thất, nội thất	TCVN 8653:2024
	Độ bền chu kỳ nóng lạnh (đối với sơn phủ ngoại thất)	
	Độ bền của lớp sơn phủ theo phép thử cắt ô, loại, không lớn hơn (áp dụng cho sơn phủ ngoại thất và nội thất)	TCVN 2097:2015
	Thời gian khô	TCVN 2096:2015
82	BỘT BẢ TƯỜNG GÓC XI MĂNG POỐC LẮNG	
	Cường độ bám dính 1. Ở điều kiện chuẩn 2. Sau khi ngâm nước 72h 3. Sau khi thử chu kỳ sốc nhiệt (đối với bột bả ngoại thất)	TCVN 7239:2014
83	SON ALKYD	
	Độ bám dính, điểm, không lớn hơn	TCVN 2097: 2015
	Độ bền uốn, mm, không lớn hơn	TCVN 2099: 2013
	Độ bền va đập, kG.cm, không nhỏ hơn	ISO 6272-2: 2011(a)
84	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GÓC XIMĂNG- POLYME	
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	BS EN14891:2017
	Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt	
	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường	
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar/7 ngày	
85	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GÓC POLYUTHANE (PU)	
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	ASTM D7234
	Độ cứng Shore A	ASTM D2240
	Độ giãn dài	ASTM D412
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1 5bar/7	BS EN 14891:2017

	ngày	
	Độ bền xé rách (áp dụng cho loại VL 1 thành phần)	ASTM 624
86	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC POLYUREA	
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	ASTM D4541
	Độ cứng Shore A	ASTM D2240
	Độ giãn dài	ASTM D412-16a
	Độ bền kéo (N/5cm)	ASTM D412-16a
	Độ bền xé rách	ASTM 624
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar/7 ngày	BS EN 14891:2017
87	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC BI TUM	
	Độ giãn dài	ASTM D412
	Độ xuyên nước sau 24h	TCVN 6557:2000
	Cường độ bám dính khi ngâm nước	ASTM D7234
88	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM – SƠN NHỮ TƯỜNG BITUM.	
	Độ mịn	TCVN 2091:2015
	Độ nhớt quy ước	TCVN 2092:2013
	Độ phủ	TCVN 2095:1993
	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993
	Thời gian khô	TCVN 6557:2000
	Độ bền uốn	TCVN 2099:2013
	Độ bám dính của màng sơn trên nền vữa	TCVN 2097:2015
	Độ chịu nhiệt	TCVN 6557:2000
	Độ xuyên nước sau 24h	TCVN 6557:2000
	Độ bền lâu	TCVN 6557:2000
89	BĂNG CẢN NƯỚC PVC	
	Xác định kích thước	TCVN 11904:2017
	Độ bền kéo	TCVN 4509:2020
	Độ giãn dài khi đứt	
	Độ cứng ShoreA	TCVN 1595-1:2013
	Tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9409-3:2014
	Khối lượng riêng	TCVN 4866: 2013 ISO 2781: 1988
	Độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014
90	LATEX	
	Hàm lượng chất rắn	TCVN 8826:2024
	Khối lượng riêng/ Khối lượng thể tích (g/cm3)	TCVN 8826:2024
91	MÀNG KHÔ	
	Độ bền kéo (ngang và dọc khô)	TCVN 9067:2012
	Độ giãn dài khi đứt(ngang, dọc khô)	
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	

	Độ bền chọc thủng động	
92	VẬT LIỆU CHỐNG THÂM -GÓC XI MĂNG	
	Cường độ bám dính	ASTM D7234
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar/7 ngày hoặc chiều sâu thấm nước.	BS EN14891:2017 hoặc BS EN 12390:2009

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.
